**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN**

**Kỷ niệm 260 năm Năm sinh (1765 - 2025), tưởng niệm 205 năm Ngày mất (16/9/1820 - 16/9/2025) Đại thi hào Nguyễn Du**

*(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 23 - HD/BTGDVTU, ngày 27/8/2025*

*của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy)*

**I. VỀ ĐẠI THI HÀO NGUYỄN DU**

**1. Thân thế, sự nghiệp**

Nguyễn Du tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, sinh năm Ất Dậu (1765), niên hiệu Cảnh Hưng triều vua Lê Hiển Tông. Nơi sinh là phường Bích Câu, thành Thăng Long (Hà Nội). Cha là ông Nguyễn Nghiễm, sinh ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh (nay là xã Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh), tên tự Hy Di, hiệu Nghi Hiên, có biệt hiệu Hồng Ngự cư sĩ, đỗ Nhị giáp Tiến sĩ, làm quan đến chức Đại tư đồ (Tể tướng), tức Thượng thư Bộ Hộ triều Lê. Mẹ đẻ của Nguyễn Du là bà Trần Thị Tần vợ thứ ba của Nguyễn Nghiễm. Bà là con gái thứ ba của một vị quan nhỏ coi việc sổ sách kế toán (chức Câu Kê) dưới trướng Nguyễn Nghiễm, người xã Hoa Thiều, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc xã Hương Mặc, huyện Từ Sơn). Bà Trần Thị Tần sinh năm Canh Thân (1740) mất năm 1778, khi Nguyễn Du mới 13 tuổi. Bà Trần Thị Tần thuộc dòng dõi Trần Phi Chiêu (1549 - 1623), ông đậu Tiến sĩ năm Kỷ Sửu (1589) làm quan đến chức Thượng thư Bộ hộ, kiêm Đô Ngự Sử, tước Diên Quận công. Bà là một phụ nữ nết na, thông minh và xinh đẹp, sinh ra tại xứ Kinh Bắc vùng quê quan họ, điều đó ảnh hưởng tốt đến hồn thơ Nguyễn Du từ những ngày còn bé.

Năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nghiễm thôi giữ chức Tể tướng, về trí sĩ ở quê nhà, Nguyễn Du theo cha về quê. Tại bến Giang Đình, ông được chứng kiến cảnh vinh hoa của gia đình mình (Sau này ông có nhắc lại trong bài thơ Giang Đình hữu cảm).Năm Bính Thân (1776) Nguyễn Nghiễm mất. Lúc đó, Nguyễn Du mới lên 11 tuổi. Năm 1778, bà Trần Thị Tần lâm bệnh rồi mất. Nguyễn Du mồ côi cha mẹ.

Năm 1783, Nguyễn Du thi đậu Tam trường, được Tập ấm một chức quan võ của người cha nuôi họ Hà (Hà Mỗ) ở Thái Nguyên. Sau đó, Nguyễn Du lấy vợ là bà Đoàn Thị Huệ, người làng An Hải, huyện Quỳnh Côi, trấn Sơn Nam (nay là tỉnh Thái Bình) con gái của tiến sĩ Đoàn Nguyễn Thục. Năm Đinh Mùi (1787), Tây Sơn đánh Thuận Hoá rồi tiến quân ra Bắc lấy Bắc Hà. Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc. Nguyễn Du chạy về sống ởquê vợ tại Thái Bình (ở nhờ nhà anh vợ Đoàn Nguyễn Tuấn). Ông tập hợp hào mục để tính chuyện phục Quốc, nhưng chí không thành.

Mười năm ở quê vợ là quãng *“Mười năm gió bụi”* (Thập tải phong trần)*,* bao cảnh cơ hàn, bần cực đã đến với Nguyễn Du. Khi bố vợ là Đoàn Nguyễn Thục mất, người con trai lớn mất, Nguyễn Du cùng người con trai còn lại là Nguyễn Tứ về quê cũ ở xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Trở lại quê, dinh cơ của cha đã tan hoang, anh em lưu tán khắp nơi, Nguyễn Du thốt lên *“Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán”* (trở về Hồng Lĩnh, gia đình không còn, anh em lưu lạc khắp nơi). Nguyễn Du được bà con gia tộc chia cho mảnh đất ở thôn Thuận Mỹ (xã Xuân Mỹ) làm nhà ở*.* Do được sinh ra và sống trong cảnh nhung lụa của một gia đình quý tộc lớn, nên về quê Nguyễn Du chẳng biết làm gì ngoài đọc sách vở thánh hiền. Nguyễn Du thường cùng trai làng Tiên Điền lên núi Hồng Lĩnh săn hươu, nai, chồn, xạ hương... và xuống sông Lam bắt cá. Ông tự đặt cho mình biệt hiệu *“Hồng Sơn liệp hộ”* (Phường săn núi Hồng) và *“Nam Hải điếu đồ”* (Nhà chài bể Nam).

Mùa Đông năm Bính Thìn (1796), Nguyễn Du toan trốn vào Gia Định giúp Nguyễn Ánh. Việc bại lộ, tướng Tây Sơn là Quận công Nguyễn Văn Thận bắt giam. Nhờ Nguyễn Văn Thận là bạn thân của anh ruột cùng mẹ là Nguyễn Nễ (vả lại cũng tiếc Nguyễn Du là người có tài) nên chỉ giam vài tháng rồi cho về.

Năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long lên ngôi, Nguyễn Du được bổ làm Tri huyện Phù Dung (phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam); tháng 11 làm Tri phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam (tỉnh Hà Tây). Mùa Đông năm Quý Hợi (1803) sứ nhà Thanh sang phong sắc cho vua Gia Long. Nguyễn Du được cử cùng Tri phủ Thượng Hồng là Lý Trần Chuyên; Tri phủ Thiên Trường là Ngô Nguyễn Viên và Tri phủ Tiên Hưng là Trần Lân đi Trấn Nam Quan (Hữu Nghị Quan ngày nay) nghênh tiếp sứ thần.

Con đường làm quan với nhà Nguyễn đang hanh thông, nhưng ông vẫn thấy không mặn mà với triều đại này. Mùa Thu năm Giáp Tý (1804) Nguyễn Du lấy cớ bị bệnh từ chức xin về quê.

Về quê chưa được bao lâu thì vua Gia Long có chỉ gọi ông vào Kinh Đô. Mùa Xuân năm Ất Sửu (1805) được thăng Đông Các Đại học sĩ, tước Du Đức hầu. Đây là một ân sủng lớn mà triều đình dành cho Nguyễn Du. Bởi Nguyễn Du chỉ đỗ Tam Trường (Tú Tài) mà thời đó phải đỗ Hương cống (Cử nhân) thì mới được bổ làm quan. Sở dĩ triều đình nhà Nguyễn phong đặc cách cho Nguyễn Du như vậy là vì: Nguyễn Du là một người có tài, lại xuất thân trong một gia đình Khoa bảng lỗi lạc, một thời gian dài là rường cột của triều đình nhà Lê. Trọng dụng những người như Nguyễn Du có thể tranh thủ được sĩ phu Bắc Hà.

Tháng 9 năm Đinh Mão (1807), được bổ chức giám khảo trường thi Hương ở Hải Dương. Xong việc ông xin nghỉ về quê, được vua chấp thuận. Đến mùa Hạ năm Kỷ Tỵ (1809) vua có chỉ bổ ông giữ chức Cai Bạ tỉnh Quảng Bình. Tháng 9 năm Nhâm Tuất (1812), Nguyễn Du xin nghỉ về quê 2 tháng để xây mộ cho anh là Nguyễn Nễ. Tháng 02 năm Quý Dậu (1813) vua có chỉ triệu ông về Kinh, thăng hàm Cần Chánh Đại học sĩ, rồi cử đi sứ Trung Quốc với tư cách là Tuế Cống Chánh sứ. Tháng 4 năm Giáp Tuất (1814), Nguyễn Du trở về nước và có tập thơ *“Bắc Hành tạp lục”.* Mùa Hạ năm Ất Hợi (1815) Nguyễn Du được phong chức Hữu Tam Tri Bộ Lễ, tước Du Đức hầu (do đó người xưa thường gọi ông là Quan Tham Thúy Kiều).

Mùa Thu năm Kỷ Mão (1819) Nguyễn Du được cử làm Đề điệu trường thi Quảng Nam, ông dâng biểu từ chối, được chuẩn y. Tháng 8 năm Canh Thìn (1820), vua Gia Long mất, Minh Mạng lên ngôi, có lệnh sai Nguyễn Du đi làm Chánh sứ sang Trung Quốc cầu phong, nhưng ông chưa kịp đi thì mất tại Kinh Thành Huế vào ngày 10 tháng 8 niên hiệu Minh Mệnh năm đầu (dương lịch 16/9/1820) hưởng thọ 55 tuổi.

**2. Sự nghiệp sáng tác**

Đại thi hào Nguyễn Du đã để lại cho hậu thế nhiều tác phẩm văn chương cả chữ Hán và chữ Nôm, trong đó, sáng tác chữ Hán, bao gồm: Thanh Hiên thi tập (78 bài), Nam Trung tạp ngâm (40 bài), Bắc hành tạp lục (131 bài), Văn tế thập loại chúng sinh (184 câu song thất lục bát), Thác lời trai phường nón, Sinh tế Trường Lưu nhị nữ…

*“Thanh Hiên thi tập”* (Tập thơ của Thanh Hiên) gồm 78 bài, viết chủ yếu trong những năm tháng trước khi làm quan nhà Nguyễn. “*Nam trung tạp ngâm”* gồm 40 bài thơ làm từ năm 1805 đến cuối năm 1812, ông viết khi làm quan ở Huế, Quảng Bình và những địa phương ở phía nam Hà Tĩnh. “*Bắc hành tạp lục”* (Ghi chép trong chuyến đi sang phương Bắc) gồm 131 bài thơ, viết trong chuyến đi sứ sang Trung Quốc.

*“Đoạn trường tân thanh”* (Tiếng kêu mới về nỗi đau đứt ruột), tức tác phẩm *Truyện Kiều*, gồm 3.254 câu thơ theo thể lục bát. “*Văn chiêu hồn*” nguyên có tên là “Văn tế thập loại chúng sinh”, nghĩa là Văn tế mười loại người, là một ngâm khúc gồm 184 câu viết theo thể song thất lục bát. “*Thác lời trai phường nón”* gồm 48 câu, cũng được viết bằng thể lục bát, nội dung thay lời người con trai phường nón làm thơ tỏ tình với cô gái phường vải. “*Văn tế sống Trường Lưu nhị nữ”*gồm 98 câu, viết theo lối văn tế…

**3. Tác phẩm Truyện Kiều**

*Truyện Kiều* của Nguyễn Du nguyên có tên là *“Đoạn trường tân thanh”*. Đây là tác phẩm truyện thơ nôm lục bát viết dựa trên cốt truyện *"Kim Vân Kiều truyện"* của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Mượn bối cảnh xã hội Trung Quốc đời nhà Minh “*Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh”* nhưng *Truyện Kiều* chính là bức tranh rộng lớn về cuộc sống thời đại lúc nhà thơ đang sống. Tác phẩm gồm 3.254 câu lục bát kể về cuộc đời 15 năm lưu lạc, chìm nổi của Thúy Kiều.

Về giá trị hiện thực, tác phẩm đã phơi bày bộ mặt xã hội phong kiến bất công, tàn bạo, đồng thời phản ánh nỗi khổ đau, bất hạnh của con người, đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội phong kiến Việt Nam.

Về giá trị nhân đạo, *Truyện Kiều* là tiếng nói đề cao tình yêu tự do, khát vọng công lí và ngợi ca vẻ đẹp của con người. Viết *Truyện Kiều*, Nguyễn Du thể hiện ước mơ đẹp đẽ về một tình yêu tự do, trong sáng, chung thủy trong xã hội mà quan niệm về tình yêu, hôn nhân còn hết sức khắc nghiệt. Mối tình Kim - Kiều được xem như là bài ca tuyệt đẹp về tình yêu lứa đôi trong văn học dân tộc. *Truyện Kiều* còn là bài ca ca ngợi vẻ đẹp của con người, là vẻ đẹp của tài, sắc, tình, lòng hiếu thảo, trái tim nhân hậu, đức tính vị tha, thủy chung, chí khí anh hùng…

*Truyện Kiều* còn là tiếng nói lên án các thế lực tàn bạo, chà đạp lên quyền sống con người. Đó còn là sự tàn phá, hủy diệt của đồng tiền trong tay bọn người bất lương tàn bạo, nó có sức mạnh đổi trắng thay đen, biến con người thành thứ hàng hóa để mua bán, chà đạp.

Về giá trị nghệ thuật, Nguyễn Du đã kết hợp tài tình tinh hoa của ngôn ngữ bác học với tinh hoa của ngôn ngữ bình dân. Với *Truyện Kiều*, tiếng Việt và thể thơ lục bát truyền thống đã đạt tới đỉnh cao rực rỡ của nghệ thuật thi ca, là sự kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại.

Với những giá trị to lớn ấy, hàng trăm năm nay, *Truyện Kiều* luôn được lưu truyền rộng rãi và có sức chinh phục lớn đối với mọi tầng lớp độc giả từ trí thức tới người bình dân, làm lay động trái tim của bao thế hệ người Việt Nam, là cảm hứng sáng tác cho rất nhiều thi sỹ, nhạc sỹ sau này. Từ Truyện Kiều đã ra đời nhiều hình thức sinh hoạt, sáng tạo văn hóa, nghệ thuật liên quan độc đáo như: trò Kiều, chèo Kiều, vịnh Kiều, lẩy Kiều, bói Kiều, đố Kiều… Truyện Kiều trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều môn khoa học xã hội nhân văn trong và ngoài nước.

*Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã góp phần đưa văn học Việt Nam trở thành một phần tinh hoa của văn hóa nhân loại, ghi dấu ấn văn học Việt Nam trên thi đàn quốc tế. Với *Truyện Kiều* nói riêng và toàn bộ trước tác của Nguyễn Du nói chung, ông được các thế hệ người Việt Nam tôn vinh là Đại thi hào dân tộc, Hội đồng Hòa bình thế giới vinh danh là Danh nhân văn hóa thế giới.

Đánh giá về *Truyện Kiều*, trong Lời đầu sách *“Từ điển Truyện Kiều”* (1974), Giáo sư Đào Duy Anh viết: “…Trong lịch sử ngôn ngữ và lịch sử văn học Việt Nam, nếu Nguyễn Trãi với “*Quốc âm thi tập”* là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học dân tộc thì Nguyễn Du với *Truyện Kiều* là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học hiện đại của nước ta…”.

Giáo sư - Nhà giáo Nhân dân Lê Đình Kỵ nhận định: “*Truyện Kiều* nổi lên so với những giá trị văn học đương thời và khiến sáng tác của Nguyễn Du gần với chúng ta ngày nay, về cả nội dung và hình thức nghệ thuật... Trước sau *Truyện Kiều* vẫn là di sản vĩ đại, là tuyệt đỉnh của nền văn học dân tộc quá khứ. Quan điểm lịch sử cũng như đòi hỏi muôn đời của giá trị văn học đều cho phép ta khẳng định điều đó”.

Phát biểu tại Hội thảo quốc tế “Đại thi hào dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du: Di sản và các giá trị xuyên thời đại” do Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam và UBND tỉnh Hà Tĩnh tổ chức vào năm 2015, đồng chí Đinh Thế Huynh, Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương đã phát biểu: “Sáng tạo của Nguyễn Du là sáng tạo gắn liền với sự chiêm nghiệm sâu sắc về đời sống, về những số phận, những kiếp người. Nguyễn Du khóc thương cho những thân phận đau khổ, đặc biệt là số phận của người phụ nữ, lên án bất công xã hội, ước mơ giải phóng con người… Vì vậy, nhiều câu thơ của Nguyễn Du là sự khái quát thành những triết lý nhân sinh sâu sắc về cuộc đời, về con người, về những cảnh huống của đời người. Đó không phải là những vấn đề của một thời mà của nhiều thời. Đó không phải là những vấn đề của một quốc gia, một cộng đồng, một con người mà là của toàn nhân loại…”.

Đến nay, *Truyện Kiều* đã được dịch ra trên 30 thứ tiếng trên thế giới, trong đó tiếng Pháp có trên 15 bản dịch, tiếng Anh và tiếng Hán có trên 10 bản, tiếng Nhật 5 bản… Năm 2020 xuất bản ấn phẩm “Truyện Kiều tam ngữ” (*Truyện Kiều bằng 3 thứ tiếng: Việt - Anh - Pháp*).

**4. Tôn vinh Đại thi hào Nguyễn Du**

Với những cống hiến của Đại thi hào Nguyễn Du cho nền văn học nước nhà và sự phát triển văn hóa của nhân loại, tháng 12/1964, tại thành phố Béclin (Đức) Hội đồng Hòa bình thế giới ra quyết nghị tổ chức kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Du (1765-1965) cùng với 8 danh nhân văn hóa toàn thế giới. Sau đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) đã có Chỉ thị số 112-CT/TW, ngày 26/10/1965 “Về việc kỷ niệm Nguyễn Du”. Đây là dấu mốc lớn trong việc nghiên cứu, khẳng định và tôn vinh Nguyễn Du và *Truyện Kiều.*

Từ đó đến nay, các hoạt động nghiên cứu, bảo tồn và phát huy những giá trị tác phẩm của Nguyễn Du, nhất là *Truyện Kiều* luôn được quan tâm và thu nhiều kết quả mới, nhất là vào các dịp kỷ niệm 240 năm, 245 năm Năm sinh của Nguyễn Du do Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Hội Nhà văn Việt Nam và tỉnh Hà Tĩnh phối hợp tổ chức.

Ngày 25/10/2013, tại kỳ họp lần thứ 37 của Đại Hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) họp ở Paris đã chính thức ban hành Nghị quyết số 37C/15 vinh danh Đại thi hào Nguyễn Du cùng với 107 Danh nhân văn hóa toàn thế giới. Theo đó, hoạt động tôn vinh được triển khai ở Việt Nam và tại các nước trong cộng đồng UNESCO (niên độ 2014 -2015).

Ngày 15/8/2014, Văn phòng Trung ương Đảng có Văn bản số 8467-CV/VPTW thông báo ý kiến của Ban Bí thư về việc đồng ý chủ trương tổ chức Lễ kỷ niệm cấp quốc gia 250 năm Ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du - Danh nhân văn hóa thế giới trong năm 2015.

Năm 2015, tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức các hoạt động kỷ niệm 250 năm Ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du.

Năm 2020, tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức các hoạt động, Lễ kỷ niệm 255 năm Ngày sinh và vinh danh Danh nhân văn hóa thế giới - Đại thi hào Nguyễn Du với quy mô cấp tỉnh.

**5. Di tích Quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Nguyễn Du**

Khu lưu niệm Đại thi hào Nguyễn Du được xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt tại Quyết định số 1419/QĐ-TTg, ngày 27/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ, các hạng mục chính của Khu lưu niệm bao gồm:

*Nhà thờ Nguyễn Du:* Năm 1824, Nguyễn Ngũ cùng con cháu trong dòng họ đã đưa hài cốt Nguyễn Du về quê nhà cải táng và lập đền thờ ngay trên khu vườn cũ của ông tại xóm Tiền, thôn Lương Năng (nay là xã Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh). Khoảng thời gian từ năm 1934 -1935 nhà thờ bị hỏng. Năm 1940, Hội Khai trí Tiến Đức cùng con cháu họ Nguyễn Tiên Điền xây dựng nhà thờ trong khu vườn họ Nguyễn. Năm 2010, nhà thờ Đại thi hào Nguyễn Du được xây dựng mới và khánh thành vào tháng 11/2012.

*Nhà Văn thánh - Bình văn*: Văn thánh hàng huyện thờ Khổng Tử do Nguyễn Nghiễm xây dựng. Trước đây, mỗi dịp xuân về các bậc túc nho trong vùng về đây báo ơn, bình văn, đọc thơ và tổ chức lễ “Cầu khoa” cầu cho con em trong vùng thành danh trên con đường khoa cử.

*Đàn tế, bia đá Nguyễn Quỳnh* (ông nội Nguyễn Du): Năm 1762, sau khi Nguyễn Nghiễm được phong Tể tướng, ông cùng em trai là Nguyễn Trọng lập đàn tế, dựng bia đá tưởng nhớ công ơn của cha mẹ.

*Mộ Đại thi hào Nguyễn Du:* Nguyễn Du lâm bệnh và mất tại Huế vào ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn (ngày 16/9/1820) thọ 55 tuổi. Phần mộ đặt tại cánh đồng Bàu Đá, xã An Ninh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Năm 1824, con là Nguyễn Ngũ và cháu là Nguyễn Thắng dời về cải táng trong vườn nhà tại xóm Tiền, thôn Lương Năng (nay là xã Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh). Với dự án Tôn tạo khu di tích Nguyễn Du bằng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá (1999 - 2004), khu mộ đã được xây dựng, chỉnh trang lại như hiện nay.

*Đền thờ, mộ Nguyễn Nghiễm* (1708 - 1776):Nguyễn Nghiễm là con trai thứ hai của Lĩnh Nam công Nguyễn Quỳnh và là thân phụ Đại thi hào Nguyễn Du. Ông là nhà chính trị, nhà giáo dục, nhà sử học uyên bác và là người đứng đầu về con đường cử nghiệp, khoa bảng họ Nguyễn - Tiên Điền. Ông đậu tiến sỹ năm 1731, làm Tế tửu Quốc Tử Giám (1742), giữ chức Tể tướng (1762) và trong gần 50 năm làm quan của mình, ông đã để lại nhiều trước tác có giá trị như: “Quân trung liên vịnh”, “Xuân đình tạp vịnh”, “Cổ lễ nhạc thi văn” và bài phú Nôm “Khổng Tử mộng Chu Công”... Đền thờ được xây dựng khi ông còn sống (sinh từ), thuộc thôn Bảo Kệ, xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân và Nhân dân thường gọi đây là đền “Đức Đại vương hai”. Phần mộ ông hiện nằm tại thôn Tiên Thanh xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân (nay là xã Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh).

*Đền thờ Nguyễn Trọng* (1710 - 1789), là chú ruột của Nguyễn Du, người giỏi về văn thơ, lý, số, y học. Đền thờ được xây dựng khi ông còn sống (sinh từ) ở thôn Tiên Quang, xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân (nay là xã Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh). Kiến trúc đơn giản, nội thất còn giữ lại nhiều đồ tế khí, hoành phi câu đối có giá trị. Trước đền thờ có voi, ngựa đá, tấm bia “Tích thiện gia” và trong khuôn viên còn có mộ phần của ông.

*Khu lăng Văn Sự:* Là khu mộ tổ đời thứ 3 của họ Nguyễn - Tiên Điền, gồm mộ Nguyễn Thể - bố Nguyễn Quỳnh; Thuật Hiên công Nguyễn Khản; Phương Trạch hầu Nguyễn Ổn; Chính thất Lê Quý Thị (vợ Phương Trạch hầu); Giới Hiên công Nguyễn Huệ và chính thất Nguyễn Quý Thị (vợ Nguyễn Huệ).

*Không gian văn hóa Nguyễn Du:* Xây dựng vào năm 2000, gồm Tượng đài, Thư viện Nguyễn Du, Hội trường; Nhà thờ, Nhà bảo tàng Nguyễn Du...

Dự án Tu bổ, tôn tạo các di tích gốc và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu di tích quốc gia đặc biệt Đại thi hào Nguyễn Du (giai đoạn 1) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 29/3/2017; với mục tiêu: Bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị của Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Đại thi hào Nguyễn Du đáp ứng các chức năng chủ yếu của du lịch văn hóa; Xây dựng Khu di tích quốc gia đặc biệt Đại thi hào Nguyễn Du thành địa chỉ văn hóa và du lịch hấp dẫn của quốc gia gắn với các giá trị thi ca của Đại thi hào Nguyễn Du và các giá trị văn hóa truyền thống địa phương; Khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch của khu di tích; tạo tiền đề và từng bước hình thành hệ thống du lịch - thương mại - dịch vụ; thu hút các nguồn lực đầu tư; liên kết với các khu, điểm du lịch trong khu vực nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch, đáp ứng nhu cầu của du khách trong, ngoài nước và tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tổng mức đầu tư 170,959 tỷ đồng.

Hiện nay, mỗi năm Khu Lưu niệm Nguyễn Du đón từ 1,8 đến 2 vạn lượt khách đến tham quan, trong đó có rất nhiều đoàn khách quốc tế, các chuyên gia, sinh viên các trường đại học đến tìm hiểu, nghiên cứu.

**II. THÀNH TỰU CỦA TỈNH HÀ TĨNH VÀ XÃ TIÊN ĐIỀN - QUÊ HƯƠNG DANH NHÂN VĂN HÓA THẾ GIỚI, ĐẠI THI HÀO NGUYỄN DU TRONG THỜI GIAN QUA - TIỀN ĐỀ CHO KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC**

**1. Thành tựu của tỉnh Hà Tĩnh**

Phát huy truyền thống quê hương, đất nước, đặc biệt là từ ngày có Đảng, Đảng bộ và Nhân dân Hà Tĩnh đã luôn nỗ lực, đi đầu trong mọi phong trào hành động cách mạng làm nên phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh năm 1930 - 1931, cách mạng tháng Tám năm 1945 và đóng góp sức người, sức của cùng cả nước giành thắng lợi trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân và đế quốc.

Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, Hà Tĩnh đã có bước phát triển vượt bậc về kinh tế - xã hội: Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, chuyển dịch cơ cấu kinh tế rõ nét, nhiều dự án lớn tầm quốc gia và khu vực được thực hiện đảm bảo tiến độ và đi vào hoạt động hiệu quả; phong trào xây dựng nông thôn mới được tập trung quyết liệt, an sinh xã hội được đảm bảo, quốc phòng - an ninh được giữ vững, hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện.

Nhiệm kỳ 2020 - 2025 là giai đoạn đầy thử thách đối với Hà Tĩnh. Từ tác động kép của đại dịch Covid-19 và thiên tai, bão lũ liên tiếp đã tạo áp lực nặng nề đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. Song với tinh thần đoàn kết, bản lĩnh, sự kiên định và sáng tạo, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh nhà đã biến khó khăn thành động lực, tranh thủ thời cơ, phát huy cao độ nội lực; huy động tối đa ngoại lực để thực hiện thành công các mục tiêu của nhiệm kỳ, tạo tiền đề vững chắc cho giai đoạn tiếp theo.

Tăng trưởng GRDP bình quân đạt 6,4%/năm, cao hơn mức trung bình cả nước; quy mô nền kinh tế tăng gấp 1,5 lần, đạt 126.000 tỷ đồng; thu ngân sách đạt gần 90.000 tỷ đồng, tăng 1,6 lần so với giai đoạn trước; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng nông nghiệp còn 13,6%, công nghiệp - xây dựng 40,6%, dịch vụ 45,8%.

Công nghiệp tiếp tục giữ vai trò là động lực tăng trưởng, với mức tăng bình quân gần 7%/năm. Nhiều dự án quy mô lớn được khởi công, hoàn thành như Nhiệt điện Vũng Áng II (1.200 MW), các Khu công nghiệp VSIP, Vinhomes Vũng Áng, các nhà máy sản xuất pin, ô tô điện VinFast công suất 400.000 xe/năm… bước đầu hình thành tổ hợp công nghiệp năng lượng - chế biến, chế tạo tầm khu vực. Kim ngạch xuất khẩu đạt 11 tỷ USD, gấp 3 lần giai đoạn trước.

Nông nghiệp tiếp tục tăng trưởng ở mức ổn định trên 3%/năm; nhiều sản phẩm chủ lực khẳng định thương hiệu trên thị trường. Hà Tĩnh là địa phương đi đầu cả nước về diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý bền vững và là 1 trong 6 tỉnh thí điểm thành công chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính, thu về 6,48 triệu USD. Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục đi vào chiều sâu, toàn tỉnh hoàn thành 8/8 tiêu chí, được công nhận hoàn thành nhiệm vụ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh, với gần 6.500 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 2,3 lần so với giai đoạn trước. Kinh tế tập thể và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục được phát huy, đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng và giải quyết việc làm.

Về quy hoạch, Hà Tĩnh là địa phương thứ hai trong cả nước hoàn thành lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nhiều dự án hạ tầng chiến lược như đường ven biển, cao tốc Bắc - Nam, các tuyến kết nối Đông - Tây, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp… được đầu tư đồng bộ, tạo diện mạo mới cho phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, Hà Tĩnh khẳng định vị thế với nhiều danh nhân, di sản được UNESCO ghi danh, như Đại thi hào Nguyễn Du, Danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, Ca trù, Dân ca Ví - Giặm Nghệ Tĩnh, Mộc bản Trường học Phúc Giang, Hoàng Hoa sứ trình đồ, Văn bản Hán Nôm làng Trường Lưu. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với nông thôn mới và đô thị văn minh lan tỏa sâu rộng. Giáo dục và đào tạo đạt nhiều kết quả nổi bật, 88,28% trường đạt chuẩn quốc gia, học sinh Hà Tĩnh nhiều năm liên tiếp giành huy chương Olympic quốc tế. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được chú trọng; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, giải quyết việc làm cho hơn 23.000 người/năm. Chất lượng khám, chữa bệnh không ngừng được nâng cao; linh hoạt, hiệu quả trong phòng, chống dịch Covid-19. Các chương trình an sinh xã hội được triển khai với nhiều cách làm mới, hiệu quả, huy động tốt nguồn lực xã hội hóa; xây dựng 105 nhà văn hóa cộng đồng kết hợp tránh trú bão, lũ và trên 12.000 nhà kiên cố cho người có công, hộ nghèo, hộ gặp hoàn cảnh khó khăn; xóa 100% nhà tạm, dột nát, hoàn thành trước 3 tháng so với thời hạn Thủ tướng Chính phủ giao. Chương trình giảm nghèo bền vững được thực hiện đồng bộ, hiệu quả; đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,9%, đạt mục tiêu không còn người có công thuộc hộ nghèo.

Chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số. Triển khai tốt các nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh. Nghiên cứu đầu tư Trung tâm điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng; hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh; hoàn thiện tốt các hệ thống cơ sở dữ liệu kết nối quốc gia.

Tích cực, chủ động nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại. Thắt chặt mối quan hệ hữu nghị truyền thống với các tỉnh của nước bạn Lào. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, đại sứ quán các nước tại Việt Nam và cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài để mở rộng hợp tác quốc tế, kêu gọi, thu hút đầu tư.

Quốc phòng - an ninh tiếp tục được củng cố vững chắc. Quan tâm xây dựng khu vực phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, biên phòng toàn dân; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiêm túc, kịp thời, đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW, Kết luận số 01- KL/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đào tạo, bồi dưỡng lý luận cho cán bộ, đảng viên, nhân dân được quan tâm đổi mới theo hướng sát nhiệm vụ chính trị và xu thế phát triển. Tổ chức các sự kiện chính trị trọng đại của quê hương, đất nước, tạo ấn tượng tốt đẹp về văn hóa và con người Hà Tĩnh với bạn bè trong nước, quốc tế. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, khóa XIII, Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” được quan tâm. Việc tinh gọn bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” nhằm xây dựng hệ thống chính trị thật sự tinh gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay được chỉ đạo thực hiện quyết liệt theo các văn bản chỉ đạo của Trung. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền hai cấp được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các bước theo quy trình quy định tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân. Sau sắp xếp, Hà Tĩnh có 69 xã, phường, giảm 140 xã, đạt tỷ lệ 67%.

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức nhiều giải pháp đồng bộ, thiết thực  
nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Nêu cao vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đối với việc củng cố, xây dựng, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; khắc phục tình trạng hình thức, chiếu lệ, tăng sự chủ động, khách quan, độc lập, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Công tác dân vận được chú trọng; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới, mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân được tăng cường. Công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí được tập trung chỉ đạo, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp.

**2. Thành tựu quê hương Tiên Điền**

Thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, xã Tiên Điền mới được thành lập từ 04 xã, thị trấn (xã Xuân Thành, Xuân Yên, Xuân Mỹ, thị trấn Tiên Điền) có diện tích tự nhiên 31,60 km2, dân số 24.833 người, với 28 thôn; Đảng bộ có 49 tổ chức đảng trực thuộc, với 1.848 đảng viên. Đảng bộ xã Tiên Điền được thành lập, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025 theo Quyết định số 1341-QĐ/TU ngày, 17/6/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh.

Thời gian quađược sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của các ban, ngành cấp tỉnh, phát huy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng, giá trị văn hóa và sức mạnh con người, xã Tiên Điền đạt được nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực.

Tổng giá trị sản phẩm ước năm 2025 đạt 2.853 tỷ đồng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng giá trị công nghiệp - xây dựng 50,74%; thương mại - dịch vụ 35,89%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 13,37%; tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 8,55 %; thu nhập bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 58,1 triệu đồng.

Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh ngày càng đi vào chiều sâu.Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được quan tâm triển khai. Đến nay đã có 8 sản phẩm OCOP được công nhận, có 19/21 thôn được công nhận là khu dân cư kiểu mẫu; 7/7 tổ dân phố văn minh; huy động nguồn lực vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới, đô thị văn minh 214,5 tỷ đồng, huy động nguồn lực khác 14,1 tỷ đồng.

Toàn xã hiện có 65 doanh nghiệp, 06 Hợp tác xã, 1.215 hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động góp phần giải quyết hàng trăm lao động có thu nhập ổn định. Phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, các ngành du lịch, dịch vụ phát triển khá đa dạng, hình thành nhiều cơ sở mới. Du lịch biển kết hợp các hoạt động dịch vụ, các khu nghỉ dưỡng, hợp phần Sân Golf Xuân Thành, du lịch văn hoá, du lịch trải nghiệm cộng đồng, phát triển khá. Hàng năm có trên 600.000 lượt khách du lịch về trên địa bàn. Tổng thu ngân sách lũy kế giai đoạn đạt 586 tỷ đồng; Thu hút đầu tư 26 dự án với tổng mức đầu tư 1.879 tỷ đồng với một số dự án trọng điểm như Dự án Khu đô thị mới Xuân Thành (Giai đoạn 1); Khu đô thị mới Xuân Thành (Giai đoạn 2); Nhà máy may Pro Sports Nghi Xuân...

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, lễ hội truyền thống, thể dục thể thao quần chúng được tổ chức sôi nổi, phong phú, đa dạng về hình thức, thu hút sự tham gia tích cực của Nhân dân; Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá được đẩy mạnh, đến nay 98% thôn, tổ dân phố giữ vững danh hiệu thôn, TDP văn hoá, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt trên 95%.

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục đạt kết quả tích cực. Đến nay, toàn xã có 10/11 trường đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 90,9%), trong đó có 6 trường đạt chuẩn mức độ 2 (tỷ lệ 54,54%). Công tác y tế, dân số, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân được quan tâm, chất lượng ngày càng được nâng lên, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 93,7%. Các chính sách lao động, giải quyết việc làm được quan tâm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80,9%. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, từ thiện, nhân đạo được phát huy; hỗ trợ nâng cấp, xây mới 65 nhà ở cho gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số được cấp ủy, chính quyền tập trung chỉ đạo. Chất lượng tiếp dân và giải quyết thủ tục hành chính tại “Bộ phận Một cửa” ngày càng tốt hơn, đảm bảo quy định.

Quốc phòng, an ninh được giữ vững, luôn duy trì chế độ sẵn sàng chiến đấu. Công tác xây dựng Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị có nhiều đổi mới. Xã đã tập trung thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được chú trọng đổi mới theo hướng sát nhiệm vụ chính trị và xu thế phát triển. Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp có nhiều đổi mới, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên. Công tác dân vận của Đảng tiếp tục có nhiều đổi mới, thiết thực, hiệu quả; chủ động nắm chắc tình hình Nhân dân, phát huy dân chủ, tăng cường tiếp dân, đối thoại với Nhân dân; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đã chú trọng xây dựng, củng cố tổ chức vững mạnh toàn diện; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, hiệu quả; quan tâm nắm bắt tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng và chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

\* \*

\*

Kỷ niệm 260 năm Ngày sinh, tưởng niệm 205 năm Ngày mất Đại thi hào Nguyễn Du là dịp để các thế hệ hôm nay tưởng nhớ, tri ân công lao to lớn, sự đóng góp của Đại thi hào Nguyễn Du đối với nền văn học Việt Nam, thể hiện tấm lòng trân trọng của cán bộ, Nhân dân Hà Tĩnh đối với những tác phẩm của Nguyễn Du, đặc biệt là kiệt tác Truyện Kiều. Đồng thời, góp phần quảng bá, tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ về các giá trị văn hóa truyền thống của quê hương Hà Tĩnh.